TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Quyết định giám đốc thẩm Số: 06/2023/HC-GĐT Ngày 12/4/2023 V/v Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, quyết định cưỡng chế	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hà;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Ngô Tiến Hùng;
- Bà Đào Thị Minh Thủy;
- Ông Nguyễn Biên Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lệ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về "*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, quyết định cưỡng chế*" giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đặng Đình T, sinh năm 1969;

Cư trú tại: 1x đường Nguyễn An N, phường Nguyễn An N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Người bị kiện:

2.1. UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

2.2. Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Địa chỉ: 8x Lý Thường K, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970;

3.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967;

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Minh D, sinh năm 1972 và ông Nguyễn

Văn H, sinh năm 1976; cùng trú tại 1B, Phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2019 của ông M và bà N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N là người đang sử dụng diện tích 9.027,9 m^2 đất thuộc các Thửa 55, 57, 68 (theo bản đồ thu hồi đất), tại 2Đ, phường T, thành phố V. Theo Bản đồ địa chính phường T thì diện tích đất trên thuộc các Thửa đất số 2, 5, 6, 9 và một phần Thửa 08 (mới), Tờ bản đồ số 37 (mới).

Thực hiện Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường T, thành phố V (sau đây viết tắt là Dự án, được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Văn bản số 457/HĐND-VP ngày 28/10/2016 về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án). Ngày 15/5/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2119/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 2119) về việc thu hồi đất và phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N với nội dung: thu hồi diện tích 9.027,9 m^2 đất thuộc các Thửa số 55, 57 và 68 (theo bản đồ thu hồi đất) - Bản đồ địa chính phường T thuộc các Thửa số 2, 5, 6, 9 và một phần Thửa số 08 (mới), Tờ bản đồ số 37 (mới). Bồi thường về hoa màu, cây trái và hỗ trợ các khoản khác cho hộ ông M, bà N với tổng số tiền là 52.851.134 đồng. (Đất có nguồn gốc là đất quốc phòng nên không bồi thường về đất. Nhà, vật kiến trúc không được bồi thường).

Không đồng ý với việc thu hồi và bồi thường tại Quyết định số 2119, ông Nguyễn Văn M có đơn khiếu nại.

Ngày 31/8/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6606/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 6606) về việc cưỡng chế thu hồi đất với nội dung: *áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất diện tích 9.027,9m^2 đối với ông M và bà N; thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ 04/9/2018 đến 19/10/2018.*

Ngày 16/11/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7934/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 7934) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông M với nội dung: *Bác nội dung đơn khiếu nại yêu cầu: bồi thường, hỗ trợ diện tích đất đã thu hồi 9.500 m^2 theo quy định (Quyết định số 2119 đã thu hồi, không bồi thường 9.027,9 m^2); bồi thường, hỗ trợ toàn bộ nhà, vật kiến trúc trên đất bị thu hồi; giao cho hộ ông M và 02 hộ gia đình con gái ông M là hộ chị Nguyễn Thị Kim N và hộ chị Nguyễn Thị Bích D1, mỗi hộ 01 lô đất tái định cư hoặc 01 lô đất ở mới. Chấp nhận nội dung đơn khiếu nại yêu cầu: Hỗ trợ ao nuôi cá tra diện tích là 3.387,4 m^2 (hỗ trợ theo Quy định giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, diêm nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Phụ lục 6, ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).*

Ông Đặng Đình T cho rằng năm 2008, ông có mua khoảng 24.000 m^2 đất tại hẻm số 2Đ, phường T, thành phố V từ các hộ ông Đinh Tiến T1, Đinh Tiến Q

và Đinh Tiến T2. Nguồn gốc diện tích đất này là do bà Vũ Thị X khai hoang và sử dụng từ năm 1976 đến năm 1986 (có kê khai đăng ký với chính quyền địa phương), sau đó bà X chuyển nhượng lại cho các ông T1, Q, T2 và một phần cho bà Phan Thị M1. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông T không trực tiếp sử dụng đất mà cho bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn M sử dụng (chỉ nói miệng không lập thành văn bản). Quá trình sử dụng đất ông có đi kê khai đăng ký, xin nộp thuế nhưng không được UBND phường chấp nhận. Năm 2018, ông T biết được UBND thành phố ra Quyết định thu hồi diện tích đất của ông M, trong đó có 6.000 m^2 đất của ông nên ông có đơn khiếu nại lên UBND thành phố nhưng không được giải quyết. Do đó, ngày 21/9/2018, ông T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2119/QĐ-UBND và Quyết định số 6606/QĐ-UBND; buộc UBND thành phố Vũng Tàu ban hành quyết định thu hồi, bồi thường 6.000 m^2 đất cho ông T theo quy định pháp luật.

Ngày 10/8/2019, ông T có đơn rút yêu cầu buộc UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường đất cho ông T theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu Tòa án hủy tất các quyết định thu hồi đất liên quan đến phần đất khoảng 40.000 m^2 của ông T và gia đình ông M, bà N tại số 2Đ, phường T, thành phố V. Trả lại đất cho ông T và gia đình ông M, bà N; công nhận ông T là một chủ thể sử dụng đất; buộc UBND thành phố V phải thực hiện theo chỉ đạo tại Mục 2 Điều 1 Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; buộc các cơ quan liên quan thuộc UBND thành phố V phải thực hiện văn bản chỉ đạo số 2789/QĐ-UBND ngày 17/7/2013 của UBND thành phố V và làm các thủ tục đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện trình bày (tại Văn bản số 7365/UBND-TNMT ngày 12/12/2018 và Văn bản số 7689/UBND-TNMT ngày 27/12/2018):

UBND thành phố V đã chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát hồ sơ sử dụng đất do ông T cung cấp gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Đinh Tiến Q và Đinh Tiến T2 do UBND phường x (cũ) xác nhận ngày 25/5/1993; Giấy sang nhượng đất của ông Đinh Tiến T2 cho ông Đinh Tiến T1 ngày 15/6/1993; Hợp đồng chuyển nhượng của ông Đinh Tiến T1 cho ông Đặng Đình T ngày 06/02/2008; Sơ đồ vị trí khu đất do Công ty cổ phần H trích đo vị trí thửa đất tháng 4/2016.

Qua kiểm tra đối chiếu với hồ sơ địa chính thì khu đất tại số 2Đ, phường T, thành phố V (khoảng 24.000 m^2) thuộc Thửa đất số 162, Tờ bản đồ số 02 (cũ) do đơn vị quân đội E2xx đứng tên trong hồ sơ địa chính năm 1990. Trong sổ mục kê, hồ sơ lưu trữ, sổ địa chính và các báo cáo của các cơ quan chức năng qua các thời kỳ không có tên các ông, bà: Vũ Thị X, Đinh Tiến Q, Đinh Tiến T1 và ông Đinh Tiến T2. Do vậy, Ủy ban nhân dân phường T khẳng định nguồn gốc khu đất số 2Đ có nguồn gốc là đất quốc phòng.

Vì vậy, UBND phường x (cũ) xác nhận vào Đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất ngày 25/3/1993 và ngày 25/5/1993 kèm theo sơ đồ ghi trong đơn là không đúng hiện trạng tại thời điểm xác nhận.

Việc Trung tâm phát triển quỹ đất cho ông T ký vào sơ đồ phác họa trong Biên bản kiểm đếm của 02 hộ ông M, bà N và hộ bà Dương Thị K là không đúng trình tự, thủ tục, thay vì lập Biên bản ghi nhận báo cáo UBND thành phố xem xét có ý kiến chỉ đạo giải quyết. Tuy nhiên, việc ông T ký tên nêu trên không ảnh hưởng đến kết quả xét duyệt của Hội đồng bồi thường, quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông M, bà N và bà K.

Ông T không có chứng cứ sử dụng đất, diện tích tranh chấp với ông M đang sử dụng thuộc Thửa đất số 162 có nguồn gốc đất quốc phòng, nay thu hồi không đủ điều kiện bồi thường theo Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, việc tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông M là đúng quy định.

Hồ sơ của ông T cung cấp bản vẽ thể hiện mâu thuẫn với bản đồ địa chính năm 2002 (ký duyệt năm 2004) trên bản đồ không thể hiện đường hẻm như bản vẽ phác họa do ông T cung cấp.

Vị trí theo sơ đồ do ông T cung cấp không xác định được vị trí đất. Tuy nhiên, ông T cho rằng diện tích đất này là đất ông M, bà K đang sử dụng. Ông T không cung cấp được chứng cứ sử dụng đất. Do đó, ông T đề nghị được xác định là chủ sử dụng đất là không có cơ sở.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2199 về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường cho ông M, bà N và hủy Quyết định số 6606 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông M và bà N là không có cơ sở xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 1991, ông M có mua của bà Phan Thị M khoảng 4000 m^2 đất (có giấy tờ viết tay) tại 2Đ, phường T, thành phố V. Bà M không giao lại giấy tờ hợp pháp nào về đất. Ông, Bà không rõ số tờ, số thửa đất. Tứ cận đất như sau: Đông giáp đất ông H, Tây giáp đất ông K, Nam giáp đất ông K, Bắc không giáp đất ai cả. Sau đó, ông M thấy phía Bắc là đất hoang hóa nên có khai phá thêm. Trong quá trình sử dụng đất, ông T1 có yêu cầu ông trả đất vì cho rằng có 01 phần đất của ông T1 nhưng do ông T1 không có giấy tờ chứng minh nên ông M không trả đất.

Sau đó, ông T có gặp trực tiếp ông M đưa giấy tờ về đất và bảo ông M cứ tiếp tục sử dụng đất. Quá trình ông M sử dụng đất, ông M có đóng thuế, có đi đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không được UBND phường chấp nhận (chỉ trả lời miệng, không có văn bản).

UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2119 về việc thu hồi đất mà không bồi thường về đất, không giải quyết về đất ở, không bồi thường vật kiến trúc cho ông M và bà N là không đúng. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố V ban

hành Quyết định số 7934 về việc giải quyết khiếu nại cho ông M cũng là không đúng pháp luật.

Ngày 31/8/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6606/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất khi chưa giải quyết các vấn đề về đất cho ông M. Do vậy, tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 09/8/2019 và tại Biên bản làm việc ngày 11/01/2019, ông M và bà N đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông M, bà N; hủy Quyết định số 6060/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất và hủy các quyết định liên quan đến đất ông T, ông M đang sử dụng; buộc UBND thành phố V phải thực hiện theo chỉ đạo tại Mục 2, Điều 1 Quyết định số 2407 ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; buộc các cơ quan liên quan phải thực hiện theo Văn bản chỉ đạo số 2789 ngày 17/7/2013 của UBND thành phố Vũng Tàu.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2019/HC-ST ngày 18/9/2019, TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định (tóm tắt):

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình T yêu cầu hủy Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND thành phố V và Quyết định số 6606/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đặng Đình T buộc UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường đất cho ông Đặng Đình T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/9/2019, người khởi kiện là ông Đặng Đình T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm. Ông M và bà N cho rằng ông bà đã làm đơn khởi kiện được Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý số 211/GXN-TA ngày 12/12/2018, sau đó vì sáp nhập vụ án và Tòa án hướng dẫn, vận động ông rút đơn và làm bản yêu cầu độc lập, nhưng khi xét xử Tòa án đã không làm rõ yêu cầu độc lập của ông, dẫn đến quyền lợi của ông chưa được xem xét.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 478/2020/HC-PT ngày 03/9/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

"Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Đình T và một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N; sửa bản án hành chính sơ thẩm. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình T:

- Hủy Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất cho ông (bà) Nguyễn Văn M - Nguyễn Thị N đối với diện tích đất thu hồi 9.027,9 m^2 thuộc thửa 55, 57, 68 theo Bản đồ thu hồi đất thuộc thửa

2,5,6,9 và một phần thửa 08 Tờ bản đồ số 37 (cũ là thửa 162, TBĐ số 02) tại địa chỉ số 2Đ, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Hủy Quyết định số 7934/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M đối với Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND thành phố V;

- Hủy Quyết định số 6606/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cưỡng chế thu hồi diện tích 9.027,90 m^2 đất tại phường T, thành phố Vũng Tàu đối với ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N.

- Buộc UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật".

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 24/5/2021, UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 30/2022/KN-HC ngày 09/12/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 478/2020/HC-PT ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2019/HC-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật; tạm đình chỉ thi hành Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 30/2022/KN-HC ngày 09/12/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N là người sử dụng diện tích 9.027,9 m^2 đất thuộc các Thửa số 55, 57 và 68 tờ bản đồ thu hồi đất, tại 2Đ, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ năm 1997 đến khi bị thu hồi đất nhưng không có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

Theo Bản đồ địa chính phường T thì diện tích đất trên thuộc các Thửa đất số 2, 5, 6, 9 và một phần Thửa đất số 08 (mới), Tờ bản đồ số 37 (mới). Nguồn gốc diện tích đất trên theo xác nhận của UBND phường T ngày 09/02/2018 thuộc một phần trong tổng diện tích 147.160 m^2 đất do Trung đoàn E2x đăng ký tại Thửa đất số 162 cũ, Tờ bản đồ số 02 cũ trong Sổ mục kê năm 1990. Ngày 03/7/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 702/QĐ-TTg về việc thu hồi đất của Quân chủng phòng không - không quân thuộc Bộ Quốc phòng đang quản lý tại

Phường x, Phường xx thành phố V giao lại UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quản lý. Theo Báo cáo số 1342/BC-TTr ngày 04/9/2009 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đồng ý tại Văn bản số 6711/UBND-VP ngày 21/10/2009); xác định khu đất này là đất quốc phòng, hiện do Nhà nước quản lý.

[2]. Thực hiện Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường T, thành phố V (sau đây viết tắt là Dự án). Ngày 15/5/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2119 về việc thu hồi toàn bộ diện tích 9.027,9 m^2 đất nêu trên của ông M, bà N đang sử dụng và phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hoa màu, cây trái và các khoản hỗ trợ khác trên diện tích đất bị thu hồi cho ông M, bà N với tổng số tiền là 52.851.134 đồng. Do đất được xác định có nguồn gốc đất quốc phòng, hiện do Nhà nước quản lý nên UBND thành phố V không bồi thường về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất là đúng quy định tại khoản 4 Điều 82, Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Không đồng ý với việc thu hồi và bồi thường tại Quyết số 2119, ông Nguyễn Văn M có đơn khiếu nại. Ngày 16/11/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7934 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông M với nội dung: bác nội dung đơn khiếu nại của ông M yêu cầu bồi thường, hỗ trợ diện tích đất đã thu hồi 9.500 m^2 theo quy định (Quyết định số 2119 đã thu hồi, không bồi thường 9.027,9 m^2 đất); bồi thường, hỗ trợ toàn bộ nhà, vật kiến trúc trên đất bị thu hồi; giao cho hộ ông M và 02 hộ gia đình con gái ông M là hộ chị Nguyễn Thị Kim N và hộ chị Nguyễn Thị Bích D, mỗi hộ 01 lô đất tái định cư hoặc 01 lô đất ở mới. Chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông M yêu cầu: hỗ trợ ao nuôi cá tra diện tích là 3.387,4 m^2 (hỗ trợ theo Quy định giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, diêm nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Phụ lục 6, ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh).

[3]. Do ông M và bà N không chấp hành quyết định thu hồi đất nêu trên nên ngày 31/8/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6606 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi diện tích 9.027,9 m^2 đất đối với ông M và bà N; thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ 04/9/2018 đến 19/10/2018 là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Ông Đặng Đình T cho rằng, trong diện tích đất bị thu hồi nêu trên có khoảng 6.000 m^2 đất của ông. Nguồn gốc đất do ông Đinh Tiến T1 nhận chuyển nhượng từ ông Đinh Tiến Q (ngày 10/6/1993) và Đinh Tiến T2 (ngày 15/6/1993), đến ngày 06/02/2008 ông T1 chuyển nhượng cho ông khoảng 24.000 m^2 nên việc sử dụng đất của ông là hợp pháp; ông T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2119 và Quyết định số 6606; yêu cầu công nhận ông là một chủ thể sử dụng đất; buộc UBND thành phố V phải thực hiện theo chỉ đạo tại Mục 2 Điều 1 Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; buộc các

cơ quan liên quan thuộc UBND thành phố V phải thực hiện văn bản chỉ đạo số 2789/QĐ-UBND ngày 17/7/2013 của UBND thành phố V và làm các thủ tục đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, ông T1 không có các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp và đất chuyển nhượng cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 06/02/2008 giữa ông T1 và ông T cũng không được công chứng, chứng thực, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không có giá trị pháp lý. Ngày 25/5/1993, ông Bùi Quyết C (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường x cũ) xác nhận vào các Đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất của ông Q và ông T2 đề ngày 22/5/1993 kèm theo Sơ đồ ghi trong đơn là không đúng hiện trạng tại thời điểm xác nhận. Việc này đã được kết luận là sai phạm được thể hiện tại Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra vụ án lấn chiếm - mua bán trái phép tại Phường x, Vũng Tàu của Sư đoàn 3xx ngày 30/8/1995, trong đó có bị can Bùi Quyết C. Hơn nữa theo đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất của ông Q và ông T2 chỉ có tổng diện tích 5.000 m^2 nên việc ông T cho rằng nhận chuyển nhượng 24.000 m^2 từ ông T1 là có mâu thuẫn.

Mặt khác, tại Báo cáo ngày 14/11/2018, UBND phường T cũng xác định theo Danh sách đoàn thanh tra năm 1993, 1995, 2009; danh sách điều tra về chủ sử dụng đất để thực hiện việc kiểm kê thu hồi đất năm 2008, 2017 thì khu vực 1 không có tên ông Q, ông T2, ông T1 và ông T.

Như vậy, ông T không có giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất nên việc ông T cho rằng trong diện tích thu hồi của ông M, bà N có 6.000 m^2 đất của ông T là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Hồ sơ vụ án thể hiện, tại giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện số 211/GXN-TA ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nội dung Tòa án đã nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N đề ngày 12/12/2018 do ông M nộp trực tiếp tại Tòa án, yêu cầu hủy Quyết định số 7934 và Quyết định số 6606 của Chủ tịch UBND thành phố V; làm rõ việc sử dụng đất, vị trí đất, ranh giới đất của ông Đặng Đình T; kiểm kê nhà cửa chuồng trại, cây trồng, diện tích đất đền bù thực tế theo quy định. Tại Đơn kháng cáo đề ngày 27/9/2019, ông M và bà N trình bày ông bà đã làm đơn khởi kiện được Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý số 211/GXN-TA ngày 12/12/2018, sau đó vì sáp nhập vụ án và Tòa án hướng dẫn, vận động ông bà rút đơn và làm bản yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thì không có tài liệu thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm có thụ lý đơn khởi kiện của ông M, bà N hay không? Nếu đã thụ lý thì Tòa án có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (trong trường hợp ông M, bà N có đơn rút đơn khởi kiện) hay không?

Trong vụ án này (theo Thông báo thụ lý vụ án số 191/2018/TLST-HC ngày 27/9/2019), Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông M và bà N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại các Phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại vào các ngày 12/10/2018, 09/01/2019, 15/3/2019 và tại Biên bản làm việc ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 09/8/2019, ông M, bà N đều có yêu cầu Tòa án hủy tất cả các quyết định thu hồi trên phần đất khoảng 4 ha, trả lại đất cho ông, bà và ông T; buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu phải thực hiện theo chỉ đạo tại Mục 2, Điều 1 Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; buộc các cơ quan liên quan phải thực hiện theo Văn bản chỉ đạo số 2789 ngày 17/7/2013 của UBND thành phố V. Tuy nhiên, không có tài liệu thể hiện Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý hay không thụ lý đối với yêu cầu độc lập của ông M, bà N là sai.

[6]. Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm và nhận định Trung đoàn 2xx không có giấy tờ về đất theo khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 nay là Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; phần đất tranh chấp đã được người dân sử dụng ổn định, do đó theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 nay là Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 thì các hộ dân được công nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng thực tế đang sử dụng; xác định trong phần diện tích đất bị thu hồi của ông M có khoảng 6.000 m^2 đất của ông T nên cho rằng việc UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2119 thu hồi đất và phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho ông M và bà N là không đúng đối tượng sử dụng đất, là không đúng. Từ đó, chấp nhận kháng cáo của ông T và một phần kháng cáo của ông M và bà N; sửa bản án hành chính sơ thẩm, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; hủy Quyết định số 2119 của UBND thành phố V và Quyết định số 7934, Quyết định số 6606 của Chủ tịch UBND thành phố V; buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật là không có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266; Điều 271; khoản 3 Điều 272 và Điều 274 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 30/2022/KN-HC ngày 10/6/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 478/2020/HC-PT ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 478/2020/HC-PT ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2019/HC-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh (để biết);
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (để biết);
- VKSNDCC tại Tp Hồ Chí Minh (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GĐKT III (2), VP (TANDTC), Thư ký Thẩm phán, HSVA, Ths.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hà